

Tháo gỡ “điểm nghẽn” chi phí tuân thủ pháp luật: Đòn bẩy đưa kinh tế tư nhân bứt phá trong kỷ nguyên mới

08/05/2026

ThS. Nguyễn Đức Minh
*Văn phòng Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân,
Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ*

(Quanlynhanuoc.vn) – Hướng tới mục tiêu phát triển quốc gia năm 2045, gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật hiện đang là “điểm nghẽn” hệ thống đối với sự bứt phá của khu vực tư nhân. Trên cơ sở vận dụng khung lý thuyết về quản trị linh hoạt và kinh tế học thể chế, bài viết nhận diện những bất cập của mô hình quản trị truyền thống; đồng thời, phân tích tác động của 8 nghị quyết do Chính phủ ban hành ngày 29/4/2026. Việc bãi bỏ đồng bộ 184 thủ tục hành chính và 890 điều kiện kinh doanh không chỉ là một nỗ lực cắt giảm cơ học mà còn minh chứng cho sự chuyển đổi tư duy sang mô hình chính phủ kiến tạo. Đây được kỳ vọng là xung lực quan trọng để khơi thông nguồn lực tư nhân, hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng “hai con số” theo Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Từ khóa: Chi phí tuân thủ pháp luật; đột phá thể chế; quản trị linh hoạt; điểm nghẽn; kinh tế tư nhân; đồng kiến tạo; ủy quyền; Sandbox.

Abstract: In pursuit of the national development goal for 2045, the heavy burden of legal compliance costs is currently acting as a systemic “bottleneck” holding back the breakthrough potential of Vietnam’s private sector. Drawing on the theoretical frameworks of agile governance and institutional economics, this article identifies the shortcomings of the traditional governance model. It further analyzes the impact of the eight resolutions issued by the Government on April 29, 2026. The simultaneous abolition of 184 administrative procedures and 890 business conditions represents not merely a mechanical reduction exercise, but clear evidence of a fundamental shift in mindset toward an enabling government model. This initiative is expected to serve as a powerful impetus for unlocking private sector resources and realizing the target of double-digit growth, as outlined in Conclusion No. 18-KL/TW of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam.

Keywords: Legal compliance costs; institutional breakthrough; agile governance; bottleneck; private sector; co-creation; delegation of authority; regulatory sandbox.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi chiến lược với khát vọng trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045. Để hiện thực hóa mục

tiêu này, đặc biệt là nỗ lực đạt mức tăng trưởng “hai con số” theo Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIV) về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 – 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “hai con số”. Nhìn từ thực tiễn, một trong những rào cản hệ thống kìm hãm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chính là gánh nặng về chi phí tuân thủ pháp luật. Mô hình quản trị truyền thống với tư duy tuyến tính, nặng về “tiền kiểm” và sự phân mảnh chức năng đang bộc lộ những giới hạn trước một thế giới đầy biến động¹.

Trong bối cảnh đó, sự ra đời đồng bộ của 8 nghị quyết của Chính phủ ban hành ngày 29/4/2026, bao gồm: Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế; Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Các nghị quyết trên đã tạo nên một dấu mốc lịch sử trong cải cách hành chính. Việc mạnh tay bãi bỏ 184 thủ tục hành chính và 890 điều kiện kinh doanh không chỉ đơn thuần là cắt giảm gánh nặng thủ tục mà còn là minh chứng cho sự chuyển dịch sang mô hình quản trị linh hoạt. Đây là cuộc cách mạng về tư duy thể chế: dịch chuyển từ trạng thái kiểm soát sang thích ứng, “đồng kiến tạo” và quản trị rủi ro dựa trên sự tin cậy cùng khu vực tư nhân. Trên cơ sở đánh giá giới hạn của phương thức quản trị truyền thống và gánh nặng chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp, bài viết vận dụng phương pháp tổng hợp lý thuyết kết hợp với phân tích dữ liệu thực tiễn để đề xuất các nhóm giải pháp đột phá về thể chế dựa trên triết lý quản trị linh hoạt. Trong đó, trọng tâm nghiên cứu hướng tới việc thiết lập các không gian thử nghiệm (Sandbox) và dịch chuyển chiến lược quản lý sang phương thức hậu kiểm. Qua đó, bài viết kỳ vọng góp phần duy trì xung lực cải cách, xây dựng một chính phủ kiến tạo thực chất và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong kỷ nguyên mới.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Triết lý quản trị linh hoạt trong khu vực công

Quản trị linh hoạt (Agile Governance) có nguồn gốc từ lĩnh vực công nghệ, nhấn mạnh vào sự tương tác, khả năng thích ứng và phản hồi nhanh chóng trước những biến động, thay vì tuân thủ cứng nhắc các kế hoạch định trước (Beck và cộng sự, 2001)². Khi được vận dụng vào khu vực công, “quản trị linh hoạt” không đơn thuần là việc áp dụng các kỹ thuật quản trị doanh nghiệp mà là một sự dịch chuyển căn bản về chiến lược thiết kế chính sách. Theo Mergel (2016)³, khác với quy trình “thác nước” (waterfall) tuyến tính và cứng nhắc, quản trị linh hoạt dựa trên các vòng lặp phản hồi ngắn, cho phép chính sách được điều chỉnh liên tục dựa trên các biến động thực tiễn của thị trường.

Về bản chất, mô hình này yêu cầu một sự “đổi mới kép”: phá vỡ các cấu trúc quản trị phân mảnh kiểu “cát cứ” và thiết lập cơ chế “đồng kiến tạo” (co-creation). Trong đó, Nhà nước không còn là chủ thể duy nhất áp đặt luật lệ từ trên xuống, mà cùng khu vực tư nhân tham gia vào quá trình thiết kế các quy định pháp luật phù hợp, bảo đảm tính thực tiễn và khả thi cao.

2.2. Cấu trúc chi phí tuân thủ pháp luật dưới góc độ kinh tế học thể chế

Dưới góc độ kinh tế học thể chế mới (New Institutional Economics), chi phí tuân thủ pháp luật được nhận diện là một dạng chi phí giao dịch phát sinh từ các quy tắc cuộc chơi do con người tạo ra nhằm định hình các tương tác (North, 1990)⁴. Đối với các doanh nghiệp, gánh nặng này không chỉ là các khoản phí định danh. Theo mô hình chi phí tiêu chuẩn (SCM) của OECD⁵, gánh nặng này đối với doanh nghiệp được cấu thành từ bốn thành phần cốt lõi:

(1) *Chi phí hành chính trực tiếp (Administrative costs)*: nguồn lực tài chính và nhân sự để thực hiện nghĩa vụ báo cáo, chuẩn bị hồ sơ.

(2) *Chi phí thời gian (Time delays)*: tổn thất từ độ trễ trong quá trình chờ đợi cơ quan nhà nước thẩm định, cấp phép.

(3) *Chi phí cơ hội (Opportunity costs)*: thiệt hại khi doanh nghiệp bỏ lỡ nhịp độ thị trường hoặc không thể triển khai mô hình kinh doanh mới do quy định pháp luật chưa theo kịp thực tiễn.

(4) *Chi phí phi chính thức (Informal costs)*: phát sinh từ sự thiếu minh bạch, chồng chéo thể chế và sự đứt gãy trong quá trình thực thi chính sách. Việc bãi bỏ hàng loạt điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính trong năm 2026 chính là nỗ lực trực diện nhằm cắt giảm các cấu phần chi phí này.

2.3. Mối quan hệ giữa thể chế quản trị linh hoạt và tối ưu chi phí tuân thủ

Mô hình quản lý truyền thống kiểu Weber, vốn ưu tiên tính tuân thủ quy trình và cơ chế “tiền kiểm” nghiêm ngặt thường dẫn đến xu hướng gia tăng rào cản khi môi trường biến động⁶. Trong giai đoạn cải cách, dưới tác động của tâm lý “sợ sai, sợ trách nhiệm”, một bộ phận có xu hướng chuyển rủi ro sang khu vực tư nhân thông qua các quy trình giải trình phức tạp, từ đó, làm gia tăng chi phí tuân thủ pháp luật. Ngược lại, quản trị linh hoạt tạo ra một hệ quy chiếu mới giúp tối ưu hóa chi phí tuân thủ thông qua ba trụ cột thực thi:

(1) *Dịch chuyển sang “hậu kiểm” dựa trên quản trị rủi ro*: tập trung kiểm soát các nhóm rủi ro cao, cho phép doanh nghiệp tự đăng ký và tự chịu trách nhiệm để cắt giảm chi phí thời gian và gánh nặng hành chính trong khâu gia nhập thị trường.

(2) *Thiết lập không gian thử nghiệm thể chế (Sandbox)*: cho phép thử nghiệm các mô hình mới dưới sự giám sát của cơ quan quản lý, giúp triệt tiêu chi phí cơ hội và rủi ro pháp lý⁷.

(3) *Quản trị dựa trên dữ liệu thời gian thực*: thực hiện nguyên tắc “cung cấp thông tin một lần”, giúp dữ liệu liên thông và giảm thiểu các chi phí hành chính lặp lại.

Như vậy, việc định hình thể chế theo hướng quản trị linh hoạt không chỉ nâng cao hiệu năng của bộ máy nhà nước mà bản chất là một chiến lược can thiệp sâu vào cấu trúc chi phí của nền kinh tế, giải phóng nguồn lực để khu vực tư nhân nâng cao biên độ lợi nhuận và năng lực cạnh tranh.

3. Thực trạng về chi phí tuân thủ và đột phá cải cách thể chế năm 2026

3.1. Từ năng lực thích ứng trong tình huống khẩn cấp đến thể chế linh hoạt

Bộ máy hành chính nhà nước đã bước đầu thể hiện năng lực thích ứng linh hoạt qua việc chuyển hướng từ “Zero Covid” sang “Thích ứng an toàn” thông qua Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/12/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, đây là một điển hình của tư duy quản trị thích ứng, chấp nhận rủi ro để bảo vệ chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, việc quyết liệt triển khai Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư cũng cho thấy nỗ lực chuyển đổi sang phương thức ra quyết định dựa trên dữ liệu⁸. Tuy nhiên, các nỗ lực này trước đây chủ yếu mang tính chất quản lý khủng hoảng cục bộ, chưa thực sự chuyển hóa thành một hệ sinh thái đồng bộ.

Bước sang năm 2026, sự ra đời của 8 nghị quyết đã đánh dấu bước chuyển từ “quản trị tình huống” sang “quản trị hệ thống”. Việc bãi bỏ hoàn toàn 184 thủ tục hành chính và 890 điều kiện kinh doanh là nỗ lực quy mô lớn nhằm hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng “hai con số” theo Kết luận số 18-KL/TW, trực tiếp xử lý các “điểm nghẽn” về chi phí tuân thủ đã tồn tại kéo dài⁹. Đây là cơ sở về quản trị để tăng cường tính chủ động của chính quyền địa phương, gắn với việc thực

hiện nguyên tắc lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, tối ưu hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

3.2. Hóa giải sự cứng nhắc của thể chế và chu trình “tiền kiểm”

Thực tiễn trước năm 2026 cho thấy, các quy định pháp luật thường được thiết kế theo tư duy chuyên ngành, gây ra gánh nặng chi phí tuân thủ. Báo cáo của Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân (2024) chỉ ra, có tới 44% doanh nghiệp gặp vướng mắc do tình trạng xung đột, chồng chéo của hệ thống văn bản pháp luật¹⁰. Theo Báo cáo PCI 2024 của VCCI, tỷ lệ doanh nghiệp phải dành hơn 10% quỹ thời gian cho các thủ tục hành chính vẫn ở mức báo động, tạo ra những rào cản gia nhập thị trường vô hình và bào mòn nguồn lực tài chính của khu vực tư nhân¹¹.

Để trực diện xử lý “điểm nghẽn” này, việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính là sự thay đổi mạnh mẽ của Chính phủ trong triết lý quản lý: chuyển mạnh từ cơ chế “xin – cho” ở khâu tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với quản trị rủi ro. Điển hình là trong lĩnh vực xăng dầu (Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP), Chính phủ đã mạnh tay cắt bỏ các điều kiện về hạ tầng cầu cảng, kho tiếp nhận và hệ thống phân phối vốn là những “chi phí chìm” cho thương nhân đầu mối. Tương tự, lĩnh vực y tế (Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP) cũng bãi bỏ các điều kiện về an toàn sinh học phòng xét nghiệm để chuyển sang cơ chế giám sát hậu kiểm.

3.3. Khắc phục đứt gãy thực thi thông qua phân cấp thẩm quyền

Hiện tượng né tránh trách nhiệm và tâm lý “sợ sai” của một bộ phận cán bộ đã hình thành nên những “cơ chế phòng vệ” tiêu cực trong bộ máy hành chính. Biểu hiện điển hình là tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, lạm dụng việc xin ý kiến liên ngành hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ thiếu căn cứ để trì hoãn việc ra quyết định. Hệ quả là tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” gây đứt gãy trong thực thi chính sách, buộc doanh nghiệp phải gánh chịu chi phí thời gian và chi phí cơ hội nặng nề. Đồng thời, sự chậm trễ này vô hình trung tạo ra dư địa cho các chi phí phi chính thức phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ.

Để hoá giải nút thắt này, 8 nghị quyết về đơn giản hoá thủ tục hành chính tập trung vào nguyên tắc phân cấp thẩm quyền sát thực tiễn. Thông qua việc đưa 134 thủ tục về cho địa phương và dự kiến giảm tỷ trọng thủ tục hành chính cấp Trung ương xuống còn 27%, khoảng cách ra quyết định đã được thu hẹp đáng kể. Minh chứng rõ nét là việc trao toàn bộ thẩm quyền cấp phép hành nghề y (Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP) hay giấy phép bưu chính liên tỉnh (Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sự thay đổi này không chỉ rút ngắn vòng đời thủ tục mà còn triệt tiêu dư địa phát sinh chi phí phi chính thức bằng cách loại bỏ cơ chế “đẩy lên, hạ xuống” giữa các cấp hành chính.

3.4. Xóa bỏ “cát cứ dữ liệu” bằng sự đồng bộ hóa pháp lý

Tình trạng phân mảnh dữ liệu kiểu “Silo” (cát cứ theo từng bộ, ngành) trước đây buộc doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo trùng lặp, gây lãng phí nguồn lực. Việc thiếu vắng tư duy quản trị dữ liệu mở và cơ chế liên thông thời gian thực buộc doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho nhiều cơ quan quản lý, phải duy trì bộ máy nhân sự để đáp ứng các yêu cầu thủ tục hành chính.

Để giải quyết vấn đề này, Chính phủ sửa đổi đồng bộ quy phạm pháp luật: 163 văn bản quy phạm pháp luật (gồm 155 nghị định và 6 quyết định của Thủ tướng Chính phủ) đã được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, giải quyết tình trạng văn bản chồng chéo. Thêm vào đó, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP bãi bỏ việc thu thập các thông tin sinh trắc học không thiết yếu (ADN, giọng nói), thể hiện tư duy quản trị dữ liệu văn minh, với mục tiêu hỗ trợ nguyên tắc “cung cấp thông tin một lần” và tạo điều kiện cho hạ tầng liên thông giữa các bộ, ngành phát huy hiệu quả.

Những đột phá thể chế năm 2026 dự kiến sẽ giảm hơn 50% thời gian thực hiện và chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp so với năm 2024. Đây chính là lời giải thực tế cho mô hình chính phủ linh hoạt, chuyển từ vai trò “người gác cổng” sang “người đồng kiến tạo” để khơi thông nguồn lực tư nhân.

4. Định hướng giải pháp đột phá nhằm tiếp tục cải cách thể chế

Để duy trì xung lực cải cách và hiện thực hoá mô hình quản trị linh hoạt, cần triển khai đồng bộ 4 nhóm giải pháp trọng tâm:

Thứ nhất, thể chế hóa “ủy quyền có kiểm soát” gắn với kỷ luật thực thi.

Cải cách thực chất bắt đầu từ việc thu hẹp khoảng cách ra quyết định. Trong khung lý thuyết của quản trị linh hoạt, khái niệm “ủy quyền” (delegation) được định hình bởi nguyên tắc bổ trợ (Subsidiarity) – phân bổ lại quyền lực ra quyết định từ các cơ quan trung ương đến các thiết chế gần nhất với sự thay đổi của thị trường. Thể chế hóa “ủy quyền có kiểm soát” đồng nghĩa với việc trao quyền tự chủ thực chất cho người đứng đầu cấp cơ sở trong việc phê duyệt các dự án đầu tư, kinh doanh của khu vực tư nhân, đi kèm với khung tiêu chí rủi ro rõ ràng. Bên cạnh việc phân cấp 134 thủ tục về địa phương, cần thắt chặt kỷ luật thời gian trong giai đoạn “chuyển tiếp”. Việc tuân thủ nghiêm ngặt lộ trình đã đề ra trong hệ thống các nghị quyết về đơn giản hóa thủ tục hành chính là điều kiện tiên quyết để giải quyết tình trạng “khoảng trống pháp lý” hoặc “hồi sinh” các giấy phép con dưới hình thức mới.

Thứ hai, đổi mới phương thức quản lý theo hướng lấy “hậu kiểm” và quản trị rủi ro làm trọng tâm.

Thay vì áp dụng “tiền kiểm” cào bằng, Nhà nước cần phân loại đối tượng quản lý để tối ưu hóa nguồn lực. Cụ thể, các rào cản hành chính (giấy phép con) chỉ nên tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, như: an ninh, môi trường và sức

khỏe. Đối với khu vực tư nhân trong các ngành, nghề thông thường, cần áp dụng cơ chế hậu kiểm dựa trên các chỉ số tuân thủ. Điển hình như trong lĩnh vực y tế hay xăng dầu, sau khi bãi bỏ các điều kiện hạ tầng, việc xây dựng hệ thống giám sát dựa trên rủi ro sẽ giúp tập trung nguồn lực thanh tra vào các đơn vị có dấu hiệu vi phạm, thay vì gây phiền hà cho doanh nghiệp chân chính bằng các đợt kiểm tra định kỳ. Cách tiếp cận này giúp giảm thiểu chi phí hành chính và quan trọng hơn là tái định nghĩa trách nhiệm công vụ, giúp công chức thoát khỏi áp lực “quyết định thay cho thị trường” ở khâu tiền kiểm.

Thứ ba, mở rộng “không gian thử nghiệm thể chế” (Sandbox) làm bộ phận cho sự đồng kiến tạo.

Đây là công cụ cốt lõi của quản trị linh hoạt nhằm giải quyết bài toán quản lý các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo, như: Fintech, kinh tế tuần hoàn hay nông nghiệp công nghệ cao mà không triệt tiêu chúng bằng các quy định cũ. Sandbox thiết lập một “vùng an toàn” pháp lý, cho phép khu vực tư nhân thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ mới trong giới hạn kiểm soát. Giá trị ưu việt của Sandbox nằm ở cơ chế “đồng kiến tạo”: thay vì Nhà nước đơn phương ban hành các quy định có độ trễ lớn, Sandbox cho phép cơ quan quản lý quan sát thực tế vận hành để thiết kế các quy định “vừa vặn”. Nếu 8 nghị quyết của năm 2026 đã giải quyết tốt các ngành truyền thống thì việc thiết lập Sandbox cho các lĩnh vực mới như kinh tế số hay năng lượng xanh sẽ giúp thể chế đi trước một bước, loại bỏ rủi ro pháp lý và chi phí cơ hội do tình trạng “chờ đợi luật” của doanh nghiệp.

Thứ tư, chuyển dịch sang quản trị dựa trên dữ liệu thời gian thực và thực thi triệt để nguyên tắc “Once-Only”.

Tình trạng “cát cứ dữ liệu” và phân mảnh hạ tầng thông tin hiện là tác nhân chính gây ra chi phí tuân thủ lặp lại và phát sinh các chi phí phi chính thức. Trong mô hình quản trị linh hoạt, việc vận hành bộ máy phải dựa trên nền tảng hạ tầng dữ liệu quốc gia thống nhất, liên thông và đồng bộ. Trọng tâm của cải cách là thể chế hóa nguyên tắc “Cung cấp thông tin một lần” (Once-Only)¹²: Khi các cơ sở dữ liệu về đất đai, ngân hàng, tài chính... được liên thông thời gian thực theo tinh thần Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP và Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP, doanh nghiệp không phải nộp lại các tài liệu mà Nhà nước đã nắm giữ. Sự kết nối này không chỉ rút ngắn quy trình thủ tục mà còn cho phép Chính phủ xây dựng các thuật toán cảnh báo sớm. Đây là tiền đề quan trọng để triển khai hiệu quả cơ chế hậu kiểm, giúp giảm thiểu các cuộc thanh tra vật lý chồng chéo và giải phóng nguồn lực tối đa cho doanh nghiệp tập trung vào hoạt động sản xuất – kinh doanh.

5. Kết luận

Mô hình quản trị linh hoạt không còn là một khái niệm lý thuyết mà là một mệnh lệnh thực tiễn để dỡ bỏ gánh nặng chi phí tuân thủ đang kìm hãm khu vực tư nhân. Hệ thống 8 nghị quyết trong năm 2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh chính là minh chứng cho sự thay

đổi căn bản trong phương thức quản lý: từ kiểm soát sang phục vụ, từ tập quyền sang phân cấp sát thực tiễn.

Để duy trì tính bền vững của thành quả cải cách, hệ thống quản trị cần vận hành đồng bộ dựa trên sự liên thông dữ liệu thời gian thực, cơ chế hậu kiểm hiện đại và tinh thần đồng kiến tạo thông qua các Sandbox thể chế. Đây là những chìa khóa cốt lõi để xây dựng một môi trường kinh doanh minh bạch và đổi mới. Khi pháp luật liên tục tự làm mới để song hành cùng dòng chảy thị trường, đó cũng là lúc thể chế thực hiện được sứ mệnh là đòn bẩy chiến lược, thúc đẩy nền kinh tế tư nhân Việt Nam tự tin bứt phá trong bối cảnh mới.

Chú thích:

1. Bennis, W., & Nanus, B. (1985). *Leaders: The strategies for taking charge*. Harper & Row.
2. Beck, K., Beedle, M., van Bennekum, A., Cockburn, A., Cunningham, W., Fowler, M.,... & Thomas, D. (2001). *Manifesto for Agile Software Development*. Agile Alliance.
3. Mergel, I. (2016). *Agile innovation management in government: A research agenda*. *Government Information Quarterly*, 33(3), 516 – 523.
4. North, D. C. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. Cambridge University Press, tr. 27 – 35.
5. OECD (2010). *Measuring Administrative Costs and Reducing Regulatory Burdens*. OECD Publishing, Paris.
6. Nguyễn Bá Chiến, Trương Quốc Việt (2026). *Mô hình “chính phủ linh hoạt” và gợi mở chính sách đối với Việt Nam trong bối cảnh mới*. Tạp chí Lý luận chính trị. <https://doi.org/10.70786/PTOJ.2026.8008>
7. European Parliament Research Service (EPRS) (2022). *Artificial intelligence act and regulatory sandboxes*.
8. Đề án 06: 10 kết quả nổi bật và 5 nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng tới. <https://baohinhphu.vn/de-an-06-10-ket-qua-noi-bat-va-3-diem-nghen-can-go-som-102250720112748972.htm>
9. Chính phủ ban hành 8 nghị quyết cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/chinhphu-ban-hanh-8-ngghi-quyet-cat-giam-phan-cap-don-gian-hoa-tthc-dieu-kien-kinh-doanh-119260430090811558.htm>
10. Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân (2024). *Báo cáo tổng hợp vướng mắc và kiến nghị về quy định pháp luật chồng chéo*. Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

11. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2024). Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2024.
12. European Commission (2021). The Once-Only Principle (OOP).

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026). *Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 – 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “hai con số”*.
2. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
3. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/12/2021 ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19*.
4. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.
5. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*.
6. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương*.
7. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ*.
8. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế*.
9. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an*.
10. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
11. Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng*.